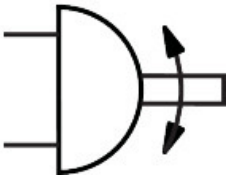


# Bộ truyền động xoay DRRS-25-180-FH-Y9A

Số bộ phận: 8163614

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                          | Giá trị                                                                                                                                 |
|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                        | 25                                                                                                                                      |
| Góc giảm âm                                       | 40.8 °                                                                                                                                  |
| Phạm vi điều chỉnh góc xoay ở mỗi vị trí cuối     | +10 / -100 độ                                                                                                                           |
| Tấm chạy dọc trục                                 | 0.07 mm                                                                                                                                 |
| Góc xoay                                          | 180 °                                                                                                                                   |
| Góc xoay tối thiểu                                | 80 °                                                                                                                                    |
| Góc xoay tối đa                                   | 200 °                                                                                                                                   |
| Đệm                                               | giảm chấn thủy lực bên trong bình thường                                                                                                |
| Vị trí lắp đặt                                    | bất kỳ                                                                                                                                  |
| Cấu trúc xây dựng                                 | Thanh răng/bánh răng                                                                                                                    |
| Phát hiện vị trí                                  | cho các công tắc gần                                                                                                                    |
| Áp suất vận hành                                  | 0.2 MPA...0.8 MPA<br>2 bar...8 bar                                                                                                      |
| Độ chính xác lặp lại                              | 0.07 °                                                                                                                                  |
| Nguyên tắc vận hành                               | tác động kép                                                                                                                            |
| Môi chất vận hành                                 | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                                                    |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển             | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                                                                           |
| Lớp chống ăn mòn KBK                              | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                                                                                                |
| Tuân thủ LABS                                     | VDMA24364-C1-L                                                                                                                          |
| Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion               | Phù hợp cho sản xuất pin theo định nghĩa nội bộ của Festo ở mức độ nghiêm trọng F1A với các hạn chế liên quan đến việc sử dụng Cu/Zn/Ni |
| Loại phòng sạch                                   | Loại 9 theo ISO 14644-1                                                                                                                 |
| Nhiệt độ bảo quản                                 | -20 °C...60 °C                                                                                                                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                    | 0 °C...60 °C                                                                                                                            |
| Mô men xoắn lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) | 6.6 N m                                                                                                                                 |
| Mô-men quán tính khối lượng cho phép              | 0.6 kgm <sup>2</sup>                                                                                                                    |
| Mô-men uốn tối đa                                 | 10 N m                                                                                                                                  |
| Tải trọng dọc trục tối đa                         | 450 N                                                                                                                                   |
| trọng lượng sản phẩm                              | 1240 g                                                                                                                                  |

| Đặc tính                  | Giá trị                                              |
|---------------------------|------------------------------------------------------|
| Kiểu gắn                  | tùy ý:<br>với bộ gá<br>với lỗ xuyên<br>với ren trong |
| Cổng nối khí nén          | M5                                                   |
| Ghi chú vật liệu          | Tuân thủ RoHS                                        |
| Vật liệu trực truyền động | Thép tôi luyện                                       |
| Vật liệu của phốt         | NBR<br>TPE-U (PU)                                    |
| Vật liệu vỏ               | Nhôm anot hóa                                        |
| Vật liệu trực mặt bích    | Hợp kim nhôm rèn                                     |
| Vật liệu bánh răng        | Thép tôi luyện                                       |